

Bản án số: 44/2020/HS-ST
Ngày 18-6-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vương Đình Thi.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Thúy và bà Vũ Thị May.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Quốc Thịnh - Kiểm sát viên và ông Phạm Sỹ Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 18/2020/TLST-HS ngày 05 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 32/2020/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2020/HSST-QĐ ngày 18 tháng 5 năm 2020, Thông báo về việc mở lại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự số 01/2020/TB-TA ngày 02 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2020/HSST-QĐ ngày 11 tháng 6 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. **Hà Xuân T**, sinh năm 1977 tại huyện G, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú: Thôn C, xã H, huyện G, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Xuân L và bà Lưu Thị T2; có vợ là Nguyễn Thị T3 và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/11/2019 đến ngày 23/11/2019 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. **Nguyễn Văn H2**, sinh năm 1988 tại huyện G, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú: Thôn B, xã T4, huyện G, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H3 và bà Đinh Thị H4; có vợ là Nguyễn Thị Q và có 02 con; tiền sự: Không;

Tiền án: Tại bản án số 86A/2017/HSST ngày 10/10/2017, Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương xử phạt 07 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử

thách 14 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội "Đánh bạc" (số tiền đánh bạc trong vụ án là 10.400.000đ); chấp hành xong ngày 10/12/2018, chưa được xóa.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/11/2019 đến ngày 23/11/2019 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. **Nguyễn Phú T5**, sinh năm 1960 tại tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú: phường TB, thành phố HD, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 4/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Phú S và bà Hoàng Thị L2; có vợ là Hồ Thị D và có 02 con; tiền án: Không;

Tiền sự: Ngày 10/7/2019, bị Công an huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Xâm hại đến sức khỏe của người khác"; chấp hành xong ngày 11/7/2019, chưa được xóa.

Nhân thân:

+ Tại bản án số 200/STHS ngày 13/11/1996, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Hưng xử phạt 12 tháng tù về tội "Giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng"; chấp hành xong hình phạt tù ngày 13/11/1996, đã được xóa.

+ Tại bản án số 04/2006/HSST ngày 19/01/2006, Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội "Đánh bạc"; đã chấp hành xong, đã được xóa.

+ Tại bản án số 14/2006/HSST ngày 17/8/2006, Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Hải Dương xử phạt 24 tháng tù về tội "Đánh bạc"; chấp hành xong, đã được xóa.

+ Tại bản án số 15/2010/HSST ngày 20/8/2010, Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương xử phạt 15 tháng tù về tội "Đánh bạc"; chấp hành xong, đã được xóa.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/11/2019 đến ngày 23/11/2019 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

4. **Phạm Văn T6**, sinh năm 1988 tại huyện G, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú: Thôn LT, xã K, huyện G, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Đ và bà Phạm Thị P; có vợ là Bùi Thị Thanh H5 và có 02 con; tiền án: Không;

Tiền sự: Ngày 27/8/2019, bị Công an huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Đánh bạc"; chấp hành xong ngày 06/9/2019, chưa được xóa.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/11/2019 đến ngày 23/11/2019 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

5. **Vũ Đức B1**, sinh năm 1991 tại huyện N, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú: Thôn N1, xã K1, huyện N, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn

hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn T7 và bà Bùi Thị L3; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

+ Tại bản án số 10/2008/HSST ngày 16/4/2008, Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội "Trộm cắp tài sản"; chấp hành xong, đã được xóa.

+ Tại bản án số 33/2015/HSST ngày 23/7/2015, Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 05 tháng tù về tội "Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới"; chấp hành xong, đã được xóa.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/11/2019 đến ngày 23/11/2019 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

6. **Phạm Văn Q1**, sinh năm 1983 tại huyện G, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú: Thôn P1, xã H, huyện G, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Vĩnh L4 và bà Nguyễn Thị H6; có vợ là Trần Thị Th và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Tại bản án số 03/2015/HSPT ngày 22/01/2015, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xử phạt 09 tháng tù về tội "Đánh bạc"; chấp hành xong, đã được xóa.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/11/2019 đến ngày 23/11/2019 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

7. **Nguyễn Đức N2**, sinh năm 1989 tại huyện G, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú: Thôn L5, xã D1, huyện G, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông (không rõ) và bà Nguyễn Thị M; có vợ là Vũ Thị X và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

+ Ngày 19/01/2012, bị Công an huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Đánh bạc"; chấp hành xong ngày 19/01/2012, đã được xóa.

+ Ngày 29/01/2018, bị Công an huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Trộm cắp tài sản"; chấp hành xong ngày 30/01/2018, đã được xóa.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/11/2019 đến ngày 23/11/2019 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

8. **Nguyễn Văn Th2**, sinh năm 1988 tại huyện G, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú: Thôn X1, xã H, huyện G, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch:

Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Th3 và bà Phạm Thị Kh; có vợ là Đào Thị U và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/11/2019 đến ngày 23/11/2019 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

9. **Nguyễn Bá L5**, sinh năm 1990 tại huyện G, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú: Thôn C1, xã H, huyện G, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 0/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Bá L6 và bà Hoàng Thị Đ1; có vợ là Lê Thị H7 và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/11/2019 đến ngày 23/11/2019 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

10. **Phạm Khắc Th3**, sinh năm 1989 tại huyện G, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú: Thôn P2, xã D1, huyện G, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Khắc Th4 và bà Phạm Thị M1; có vợ là Phạm Thị Nh và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/11/2019 đến ngày 23/11/2019 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

11. **Nguyễn Duy B2**, sinh năm 1987 tại huyện S1, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú: Thôn Đ2, xã N3, huyện S1, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Ch và bà Vũ Thị S2; có vợ là Nguyễn Thị Đ3 (đã ly hôn) và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/11/2019 đến ngày 23/11/2019 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng hơn 13 giờ 00 phút ngày 20/11/2019, Nguyễn Văn Th2, Nguyễn Đức N2, Nguyễn Văn H2, Phạm Văn T6, Phạm Khắc Th3 lần lượt đến nhà Hà Xuân T ở tại thôn C, xã H, huyện G, tỉnh Hải Dương ngồi chơi uống nước. Tại đây, Nguyễn Văn Th2, Nguyễn Đức N2, Nguyễn Văn H2, Phạm Văn T6, Phạm Khắc Th3 cùng rủ nhau đánh bạc bằng hình thức đánh xóc đĩa tại nhà ở của Hà Xuân T. Hà Xuân T đồng ý cho các bị cáo đánh bạc tại nhà mình. Sau đó, Trọng đi lấy 01 bát sứ, 01 đĩa sứ có sẵn tại nhà mình và lấy bộ dụng cụ đục được 04 quân bài vị từ quân bài tổ tôm. Cả Nguyễn Văn Th2, Nguyễn Đức N2, Nguyễn Văn H2, Phạm Văn T6, Phạm Khắc Th3 và Hà Xuân T cùng đi lên một phòng tại tầng hai, nơi đã có một thảm nỉ màu đỏ trải sẵn rồi ngồi xuống tham gia đánh bạc. Tại thời điểm này, do không có ai là người cầm cái nên tất cả mọi người đã thống nhất nhờ Hà Xuân T xóc cái để cho các bị cáo đánh bạc với nhau, T đồng ý và xóc cái cho mọi người đánh bạc. Quy định mỗi ván đặt tiền thấp nhất là

50.000đ (năm mươi nghìn đồng), đặt cao hơn thì tùy người chơi. Sau đó, Vũ Đức B1, Nguyễn Duy B2, Nguyễn Phú T5, Nguyễn Bá L5, và Phạm Văn Q1 lần lượt đến nhà T cùng tham gia đánh bạc. Trong quá trình đánh bạc, Hà Xuân T thu của Nguyễn Văn H2, Phạm Văn T6, Nguyễn Văn Th2, Nguyễn Đức N2, Phạm Khắc Th3, Nguyễn Bá L5, Nguyễn Phú T5, Vũ Đức B1 và Nguyễn Duy B2 mỗi người 100.000đ (một trăm nghìn đồng) tiền hồ, riêng Phạm Văn Q1 đến sau cùng nên T chưa kịp thu tiền hồ của Q1. Hà Xuân T xóc cái cho Nguyễn Văn H2, Phạm Văn T6, Nguyễn Văn Th2, Nguyễn Đức N2, Phạm Khắc Th3, Phạm Văn Q1, Nguyễn Bá L5, Nguyễn Phú T5, Vũ Đức B1, Nguyễn Duy B2 đánh bạc đến 14 giờ 10 phút cùng ngày thì bị lực lượng CSĐT Công an huyện Gia Lộc phát hiện bắt quả tang, thu giữ tại chiếu bạc số tiền 17.600.000đ (mười bảy triệu sáu trăm nghìn đồng) và dụng cụ đánh bạc, thu giữ trên người Hà Xuân T số tiền 900.000đ (chín trăm nghìn đồng), Trọng khai nhận đây là tiền thu hồ của các đối tượng đánh bạc tại nhà Trọng.

* Về hình thức đánh bạc: Các bị cáo trên đánh bạc bằng hình thức đánh xóc đĩa. Dụng cụ dùng để đánh bạc gồm một đĩa sứ, một bát sứ và 4 quân vị hình tròn, đường kính 2,2cm, được đục từ quân bài tổ tôm bằng bộ đục quân vị, một mặt màu trắng, một mặt có họa tiết của quân bài tổ tôm. Tiền đặt thấp nhất là 50.000đ (năm mươi nghìn đồng) một ván bạc, cao hơn thì tùy người chơi. Hà Xuân T là người cầm cái từ đầu đến khi bị bắt. Khi người cầm cái để 4 quân bài vị trên mặt đĩa sứ và dùng bát sứ úp kín các quân bài và cầm bát đĩa xóc nhiều lần; xóc đĩa xong, người chơi đặt tiền xong theo hai cửa chắn, lẻ thì người cầm cái mở bát. Nếu quân bài lên chắn thì người chơi đặt tiền ở cửa chắn được ăn tiền với số tiền tương ứng đã đặt và ngược lại (quân bài trên đĩa có hai hoặc bốn quân cùng họa tiết của quân bài tổ tôm hoặc màu trắng thì được xác định là chắn; trên đĩa có một hoặc ba quân bài cùng họa tiết của quân bài tổ tôm hoặc màu trắng thì được xác định là lẻ). Do những người tham gia đánh bạc nhờ Trọng là người cầm cái nên sau khi Trọng xóc cái xong thì người chơi có thể đặt cửa chắn hoặc cửa lẻ và tự cân đối số tiền thắng, thua trong từng ván bạc. Nếu một người thích cửa chắn muốn đánh số tiền bao nhiêu thì sẽ hô lên, những người còn lại ai thích cửa lẻ thì sẽ đánh với người đó, nếu không ai thích đánh cửa lẻ thì người đánh cửa chắn tự cầm tiền về và ngược lại. Cứ như vậy mỗi ván bạc diễn ra trong khoảng 5 - 10 phút.

Quá trình điều tra, các bị cáo khai nhận khi bắt đầu đánh bạc có số tiền sử dụng vào việc đánh bạc như sau: Nguyễn Văn H2 có 500.000 đồng, Phạm Văn T6 có 1.100.000 đồng, Phạm Khắc Th3 có 1.300.000 đồng, Nguyễn Đức N2 có 2.300.000 đồng, Nguyễn Văn Th2 có 2.200.000 đồng, Nguyễn Phú T5 có 1.650.000 đồng, Vũ Đức B1 có 1.500.000 đồng, Nguyễn Duy B2 có 300.000 đồng, Nguyễn Bá L5 có 1.700.000 đồng và Phạm Văn Q1 có 400.000 đồng. Các bị cáo đều xác định sử dụng hết số tiền mang theo để đánh bạc và khi bị bắt đã hết số tiền có trong người vào giữa chiếu bạc nên không xác định được thắng thua cụ thể bao nhiêu tiền. Tổng số tiền các bị cáo trình bày có trước khi đánh bạc và sử dụng hết vào việc đánh bạc là 12.950.000 đồng. Tuy nhiên các bị cáo đều xác định tổng số tiền 18.500.000 đồng gồm thu tại chiếu bạc 17.600.000

đồng và 900.000 đồng tiền hồ thu trên người Hà Xuân T là tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc.

Cáo trạng số 17/CT-VKS ngày 02/3/2020, Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương truy tố các bị cáo Nguyễn Văn H2, Nguyễn Phú T5, Phạm Văn T6, Vũ Đức B1, Phạm Văn Q1, Nguyễn Đức N2, Nguyễn Văn Th2, Nguyễn Bá L5, Phạm Khắc Th3 và Nguyễn Duy B2 về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự (BLHS); truy tố bị cáo Hà Xuân T về tội "Gá bạc" và tội "Đánh bạc" theo điểm b khoản 1 Điều 322 và khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà:

Đại diện VKSND huyện Gia Lộc giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Toà án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51; các điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS; các điểm a, b, c khoản 2 Điều 106, Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS); Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với cả 11 bị cáo.

Căn cứ điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 322, Điều 55 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hà Xuân T.

Căn cứ khoản 3 Điều 321 BLHS đối với các bị cáo Nguyễn Văn H2, Phạm Văn T6, Vũ Đức B1, Phạm Văn Q1, Nguyễn Đức N2, Nguyễn Văn Th2, Nguyễn Bá L5, Phạm Khắc Th3 và Nguyễn Duy B2.

Căn cứ khoản 2 Điều 51 BLHS đối với các bị cáo H2, T5, B1, Q1.

Căn cứ điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS đối với các bị cáo T6, N2, Th2, Th3, L5, B2.

Căn cứ điểm t khoản 1 Điều 51, Điều 54 BLHS đối với bị cáo T5.

Căn cứ điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS đối với bị cáo H2.

Căn cứ Điều 38 BLHS đối với các bị cáo T, T6, H2, T5.

Căn cứ Điều 65 BLHS đối với các bị cáo B1, Q1, N2.

Căn cứ Điều 36 BLHS đối với các bị cáo Th2, Th3, L5, B2.

Tuyên bố bị cáo Hà Xuân T phạm tội "Gá bạc" và tội "Đánh bạc"; các bị cáo Nguyễn Văn H2, Nguyễn Phú T5, Phạm Văn T6, Vũ Đức B1, Phạm Văn Q1, Nguyễn Đức N2, Nguyễn Văn Th2, Nguyễn Bá L5, Phạm Khắc Th3 và Nguyễn Duy B2 phạm tội "Đánh bạc";

Xử phạt bị cáo Hà Xuân T từ 12 đến 15 tháng tù về tội "Gá bạc", từ 06 đến 08 tháng tù về tội "Đánh bạc", tổng hợp hình phạt chung của hai tội từ 18 đến 23 tháng tù được trừ 03 ngày tạm giữ, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T6 từ 06 đến 09 tháng tù được trừ 03 ngày tạm giữ, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H2 từ 06 đến 08 tháng tù được trừ 03 ngày tạm giữ, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Phú T5 từ 03 đến 06 tháng tù được trừ 03 ngày tạm giữ, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án.

Xử phạt bị cáo Vũ Đức B1 từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức N2 từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn Q1 từ 09 đến 11 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 22 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Th2 từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ được trừ 03 ngày tạm giữ bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ, khấu trừ thu nhập của bị cáo từ 5% đến 10%.

Xử phạt bị cáo Phạm Khắc Th3 từ 13 đến 16 tháng cải tạo không giam giữ được trừ 03 ngày tạm giữ bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ, khấu trừ thu nhập của bị cáo từ 5% đến 10%.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Bá L5 từ 12 đến 14 tháng cải tạo không giam giữ được trừ 03 ngày tạm giữ bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ, khấu trừ thu nhập của bị cáo từ 5% đến 10%.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy B2 từ 10 đến 13 tháng cải tạo không giam giữ được trừ 03 ngày tạm giữ bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ, khấu trừ thu nhập của bị cáo từ 5% đến 10%.

Giao các bị cáo được hưởng án treo và cải tạo không giam giữ cho ủy ban nhân dân xã giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Hà Xuân T từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng; bị cáo Nguyễn Phú T5 đã trên 60 tuổi nên không đề nghị áp dụng; các bị cáo khác mỗi bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Về vật chứng: Tịch thu tiêu huỷ 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 01 tấm thảm màu đỏ, 01 bộ đục quân vị, 04 quân vị hình tròn được cất từ quân bài tổ tôm. Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 18.500.000 đồng.

Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Riêng bị cáo Nguyễn Phú T5 đã trên 60 tuổi nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, xác định quyết định truy tố, luận tội của VKSND huyện Gia Lộc đối với bị cáo là đúng và nói lời sau cùng đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện được xác định là hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ 13 giờ 00 phút đến 14 giờ 10 phút ngày 20/11/2019, tại tầng hai nhà ở của Hà Xuân T, thôn C, xã H, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương, Hà Xuân T chứa 10 bị cáo đánh bạc trái phép tại nhà ở của mình để thu tiền hồ và giúp sức xóc đĩa cho 10 bị cáo gồm Nguyễn Văn Th2, Nguyễn Đức N2, Phạm Văn Q1, Nguyễn Bá L5, Nguyễn Phú T5, Vũ Đức B1, Nguyễn Văn H2, Phạm Văn T6, Phạm Khắc Th3, Nguyễn Duy B2 đánh bạc trái phép sát phạt nhau bằng tiền thì bị lực lượng Cảnh sát điều tra Công an huyện Gia Lộc phát hiện bắt quả tang, thu giữ tại chiếu bạc số tiền 17.600.000 đồng và dụng cụ đánh bạc, thu giữ trên người Hà Xuân T 900.000 đồng tiền hồ. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 18.500.000 đồng.

[3] Các bị cáo tham gia đánh bạc đều là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được hành vi đánh bạc trái phép là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn thu lợi bất chính các bị cáo vẫn cố ý cùng nhau thực hiện. Bị cáo Hà Xuân T sử dụng nhà ở của mình để cho 10 người đánh bạc mà tổng số tiền dùng đánh bạc là 18.500.000 đồng, đồng thời giúp các bị cáo xóc đĩa để đánh bạc nên hành vi của bị cáo Hà Xuân T đã đủ yếu tố cấu thành tội "gá bạc" và tội "đánh bạc" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 322 và khoản 1 Điều 321 BLHS; hành vi của các bị cáo khác đã đủ yếu tố cấu thành tội "đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 BLHS. Như vậy, Quyết định truy tố của VKSND huyện Gia Lộc đối với các bị cáo là có căn cứ.

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trật tự an toàn công cộng, nếp sống văn minh của xã hội. Đánh bạc là một tệ nạn xã hội, từ việc đánh bạc có thể dẫn đến nhiều hành vi trái pháp luật khác, gá bạc tạo điều kiện cho việc đánh bạc, gây ảnh hưởng xấu đến an toàn, trật tự công cộng nên cần thiết phải áp dụng một hình phạt nghiêm đối với các bị cáo thì mới có tác dụng giáo dục, trừng trị, răn đe và đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Vai trò, tính chất, mức độ hành vi của từng bị cáo: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn vì các bị cáo chỉ nhất thời phạm tội, không có sự câu kết, tổ chức chặt chẽ; trong vụ án này bị cáo T sử dụng nhà ở của mình cho các bị cáo đánh bạc và trực tiếp xóc đĩa cho các bị cáo nên giữ vai trò chính của vụ án. Các bị cáo T6, H2, N2, Th2, Th3 tham gia đánh bạc ngay từ đầu nên giữ vai trò thứ hai;

các bị cáo T5, B1, L5 tham gia sau nhưng có số tiền sử dụng vào việc đánh bạc nhiều hơn nên giữ vai trò thứ ba; các bị cáo B2, Q1 vào sau, có số tiền sử dụng vào việc đánh bạc ít nhất nên giữ vai trò cuối vụ.

[6] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Văn H2 đã bị kết án về tội "Đánh bạc", chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên thuộc trường hợp "tái phạm" theo điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS. Các bị cáo khác đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo nên tất cả các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo Nguyễn Văn H2 được UBND xã T4, huyện G tặng giấy khen do có thành tích trong việc xây dựng nông thôn mới năm 2017; bị cáo Vũ Đức B1 được Chủ tịch UBND xã Hồng Phúc, huyện Ninh Giang tặng giấy khen do có thành tích nhất được tài sản trả lại người bị mất tại địa phương năm 2018; bị cáo Phạm Văn Q1 được Chủ tịch UBND xã T4, huyện G tặng giấy khen do có thành tích trong việc cứu người gặp nạn năm 2019; bị cáo Nguyễn Phú T5 có bố đẻ là thương binh có công với cách mạng nên các bị cáo này được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Lần phạm tội này của các bị cáo Nguyễn Đức N2, Nguyễn Văn Th2, Phạm Khắc Th3, Nguyễn Bá L5, Nguyễn Duy B2 và Phạm Văn T6 là lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên các bị cáo này đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị cáo Tùng tích cực hợp tác với cơ quan tiến hành tố tụng nên bị cáo Tùng được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 BLHS.

[8] Nhân thân các bị cáo: Bị cáo H2 có một tiền án chưa được xóa án tích; bị cáo T6 có một tiền sự về hành vi "Đánh bạc" chưa được xóa; bị cáo T5 đã bị kết án về tội "giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng", ba lần bị kết án về tội "Đánh bạc" đều đã được xóa án tích và có một tiền sự về hành vi "Xâm hại sức khỏe người khác" chưa được xóa.

[9] Bị cáo B1 đã hai lần bị kết án về các tội "Trộm cắp tài sản" và "Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới" đều đã được xóa án tích tính đến ngày phạm tội lần này đã quá 06 tháng; bị cáo Q1 đã bị kết án về tội "Đánh bạc" đã được xóa án tích tính đến ngày phạm tội lần này đã quá 06 tháng. Bị cáo N2 đã chấp hành xong các quyết định xử phạt vi phạm hành chính và đã được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, thời gian được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính tính đến ngày phạm tội lần này đã quá 06 tháng và các bị cáo B1, Q1, N2 thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân nơi cư trú nên được coi là có nhân thân tốt. Các bị cáo còn lại đều chưa có lần nào bị xử lý hành chính và được coi là có nhân thân tốt.

[10] Bị cáo T phạm hai tội giữ vai trò đầu, các bị cáo H2, T6, T5 có nhân thân xấu nên cần cách ly các bị cáo này khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục

các bị cáo trở thành công dân tốt biết tôn trọng và chấp hành pháp luật. Tuy nhiên bị cáo T5 có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong đó có 02 tình tiết thuộc khoản 1 Điều 51 BLHS nên HĐXX sẽ áp dụng Điều 54 BLHS để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo T5. Các bị cáo B1, Q1, N2, Th2, Th3, L5, B2 có nhân thân tốt, có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trở lên, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần bắt các bị cáo này phải cách ly khỏi xã hội mà cho các bị cáo B1, Q1, N2 được hưởng án treo; các bị cáo Th2, Th3, L5, B2 được cải tạo không giam giữ cũng đủ tác dụng giáo dục đối với các bị cáo thành người có ích cho xã hội. Do các bị cáo Th2, Th3, L5, B2 bị phạt cải tạo không giam giữ nên bị khấu trừ một phần thu nhập theo quy định.

[11] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo phạm tội với mục đích thu lợi bất chính nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Riêng bị cáo Nguyễn Phú T5 đã trên 60 tuổi, có đơn có xác nhận của chính quyền địa phương về điều kiện hoàn cảnh khó khăn, sức khỏe yếu, không có thu nhập và bị khuyết tật nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo T5.

[12] Về vật chứng vụ án: Số tiền 18.500.000 đồng là tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 01 tấm thảm màu đỏ, 01 bộ đục quân vị, 04 quân vị hình tròn được cất từ quần bài tổ tôm là công cụ phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

[13] Về án phí: Các bị cáo phạm tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn Phú T5 trên 60 tuổi nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; Điều 17, Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51; các điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; các điểm a, b, c khoản 2 Điều 106, các điều 135, 136, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí đối với cả 11 bị cáo.

Căn cứ điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 322, Điều 55 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hà Xuân T.

Căn cứ khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn H2, Phạm Văn T6, Vũ Đức B1, Phạm Văn Q1, Nguyễn Đức N2, Nguyễn Văn Th2, Nguyễn Bá L5, Phạm Khắc Th3 và Nguyễn Duy B2.

Căn cứ khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn H2, bị cáo Nguyễn Phú T5, bị cáo Vũ Đức B1 và bị cáo Phạm Văn Q1.

Căn cứ điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Phạm Văn T6, Nguyễn Đức N2, Nguyễn Văn Th2, Nguyễn Bá L5, Phạm Khắc Th3 và Nguyễn Duy B2.

Căn cứ điểm t khoản 1 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Phú T5.

Căn cứ điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn H2.

Căn cứ Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Hà Xuân T, Phạm Văn T6, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Phú T5.

Căn cứ Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn Th2, Nguyễn Bá L5, Phạm Khắc Th3 và Nguyễn Duy B2.

Căn cứ Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Vũ Đức B1, Phạm Văn Q1, Nguyễn Đức N2.

Căn cứ Luật người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với bị cáo Nguyễn Phú T5.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với các bị cáo Hà Xuân T, Nguyễn Văn H2, Phạm Văn T6, Vũ Đức B1, Phạm Văn Q1, Nguyễn Đức N2, Nguyễn Văn Th2, Nguyễn Bá L5, Phạm Khắc Th3 và Nguyễn Duy B2.

1. Tuyên bố: Bị cáo Hà Xuân T phạm tội "Gá bạc" và tội "Đánh bạc"; các bị cáo Nguyễn Văn H2, Nguyễn Phú T5, Phạm Văn T6, Vũ Đức B1, Phạm Văn Q1, Nguyễn Đức N2, Nguyễn Văn Th2, Nguyễn Bá L5, Phạm Khắc Th3 và Nguyễn Duy B2 phạm tội "Đánh bạc".

2. Hình phạt chính:

+ Xử phạt bị cáo Hà Xuân T 12 (mười hai) tháng tù về tội "Gá bạc", 06 (sáu) tháng tù về tội "Đánh bạc", tổng hợp hình phạt 18 (mười tám) tháng tù được trừ 03 ngày tạm giữ, bị cáo còn phải chấp hành 17 (mười bảy) tháng 27 (hai mươi bảy) ngày tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án.

+ Xử phạt bị cáo Phạm Văn T6 06 (sáu) tháng tù được trừ 03 ngày tạm giữ, bị cáo còn phải chấp hành 05 (năm) tháng 27 (hai mươi bảy) ngày tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H2 06 (sáu) tháng tù được trừ 03 ngày tạm giữ, bị cáo còn phải chấp hành 05 (năm) tháng 27 (hai mươi bảy) ngày tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Phú T5 03 (ba) tháng tù được trừ 03 ngày tạm giữ, bị cáo còn phải chấp hành 02 (hai) tháng 27 (hai mươi bảy) ngày tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án.

+ Xử phạt bị cáo Vũ Đức B1 10 (mười) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 (hai mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Vũ Đức B1 cho Ủy ban nhân dân (UBND) xã K1, huyện N, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã K1 trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Bị cáo thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự (năm 2019). Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức N2 10 (mười) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 (hai mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Đức N2 cho UBND xã D1, huyện G, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã D1 trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Bị cáo thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự (năm 2019). Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

+ Xử phạt bị cáo Phạm Văn Q1 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phạm Văn Q1 cho UBND xã H, huyện G, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã H trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Bị cáo thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự (năm 2019). Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Th2 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ được trừ 03 ngày tạm giữ bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 11 (mười một) tháng 21 (hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ; thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã H, huyện G, tỉnh Hải Dương nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khấu trừ 10% thu nhập hàng tháng của bị cáo để sung quỹ Nhà nước trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Nguyễn Văn Th2 cho UBND xã H giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã H trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

+ Xử phạt bị cáo Phạm Khắc Th3 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ được trừ 03 ngày tạm giữ bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 11 (mười một) tháng 21 (hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ; thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã D1, huyện G, tỉnh Hải Dương nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khấu trừ 10% thu nhập hàng tháng của bị cáo để sung quỹ Nhà nước trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Phạm Khắc Th3 cho UBND xã D1 giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã D1 trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Bá L5 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ được trừ 03 ngày tạm giữ bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 11 (mười một) tháng 21 (hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ; thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã H, huyện G, tỉnh Hải Dương nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khấu trừ 10% thu nhập hàng tháng của bị cáo để sung quỹ Nhà nước trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Nguyễn Bá L5 cho UBND xã H giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã H trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy B2 10 (mười) tháng cải tạo không giam giữ được trừ 03 ngày tạm giữ bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 09 (chín) tháng 21 (hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ; thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã N3, huyện S1, tỉnh Hải Dương nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khấu trừ 10% thu nhập hàng tháng của bị cáo để sung quỹ Nhà nước trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Nguyễn Duy B2 cho UBND xã N3 giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã N3 trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

3. Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Hà Xuân T 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng); các bị cáo Nguyễn Văn H2, Phạm Văn T6, Vũ Đức B1, Phạm Văn Q1, Nguyễn Đức N2, Nguyễn Văn Th2, Nguyễn Bá L5, Phạm Khắc Th3 và Nguyễn Duy B2 mỗi bị cáo 10.000.000đ (mười triệu đồng) sung vào ngân sách Nhà nước.

4. Về vật chứng: Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 18.500.000đ (mười tám triệu năm trăm nghìn đồng). Tịch thu tiêu huỷ 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 01 tấm thảm màu đỏ, 01 bộ đục quân vị, 04 quân vị hình tròn được cắt từ quân bài tổ tôm. (Đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Gia Lộc và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc ngày 18 tháng 3 năm 2020).

5. Về án phí: Buộc các bị cáo Hà Xuân T, Nguyễn Văn H2, Phạm Văn T6, Vũ Đức B1, Phạm Văn Q1, Nguyễn Đức N2, Nguyễn Văn Th2, Nguyễn Bá L5, Phạm Khắc Th3 và Nguyễn Duy B2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Phú T5.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan điều tra, Công an huyện Gia Lộc;
- Cơ quan Thi hành án hình sự, Công an huyện Gia Lộc;
- Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ, Công an huyện Gia Lộc;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vương Đình Thi